

BỘ TÀI CHÍNH

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 125/2008/QĐ-BTC

Hà Nội, ngày 26 tháng 12 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty quản lý quỹ ban hành kèm theo Quyết định số 35/2007/QĐ-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 14/2007/NĐ-CP ngày 19 tháng 01 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của

công ty quản lý quỹ ban hành kèm theo Quyết định số 35/2007/QĐ-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính như sau:

1. Bổ sung Khoản 3a sau Khoản 3 Điều 3 về Điều kiện cấp Giấy phép thành lập và hoạt động như sau:

“3a. Có tối thiểu hai (02) cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập là tổ chức. Trong đó, phải có tối thiểu một tổ chức là doanh nghiệp bảo hiểm hoặc Ngân hàng thương mại hoặc Công ty tài chính hoặc Công ty chứng khoán. Tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp của các cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập là tổ chức tối thiểu là 65% vốn điều lệ, trong đó, tỷ lệ sở hữu của cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập là doanh nghiệp bảo hiểm hoặc Ngân

hàng thương mại, Công ty tài chính hoặc Công ty chứng khoán tối thiểu phải là 30% vốn điều lệ. Trường hợp Công ty quản lý quỹ dự kiến thành lập được tổ chức dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, chủ sở hữu phải là Ngân hàng thương mại, Công ty tài chính hoặc doanh nghiệp bảo hiểm hoặc Công ty chứng khoán.”

2. Sửa đổi, bổ sung Khoản 6 Điều 3 về Điều kiện cấp Giấy phép thành lập và hoạt động như sau:

“6. Điều kiện đối với tổ chức tham gia góp vốn:

a) Là pháp nhân có thời gian hoạt động tối thiểu là năm (05) năm, đang hoạt động hợp pháp và không thuộc các trường hợp không được quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam theo quy định tại Điểm a, g Khoản 2 và Điểm a Khoản 4 Điều 13 Luật doanh nghiệp;

b) Đáp ứng điều kiện tài chính theo quy định tại Khoản 3 Điều 4 Quy chế này và các điều kiện khác theo quy định có liên quan của pháp luật chuyên ngành;

c) Công ty quản lý quỹ thành lập và hoạt động tại Việt Nam không được tham gia góp vốn thành lập, mua cổ phần, phần vốn góp tại các Công ty quản lý quỹ khác tại Việt Nam.”

3. Sửa đổi Khoản 1 Điều 4 về Điều kiện tài chính đối với cổ đông, thành viên góp vốn như sau:

“1. Cá nhân, tổ chức chỉ được phép sử dụng vốn của chính mình, vốn chủ sở hữu để tham gia góp vốn thành lập Công ty quản lý quỹ, không được sử dụng vốn vay, vốn ủy thác đầu tư của các tổ chức, cá nhân khác.”

4. Sửa đổi Khoản 2 Điều 4 về Điều kiện tài chính đối với cổ đông, thành viên góp vốn như sau:

“2. Đối với trường hợp cổ đông, thành viên góp vốn là cá nhân, phải chứng minh khả năng góp vốn bằng tiền, chứng khoán hoặc các tài sản khác. Giá trị tiền, chứng khoán hoặc tài sản để chứng minh năng lực tài chính tối thiểu phải bằng số vốn dự kiến góp để thành lập Công ty quản lý quỹ. Thời điểm xác nhận giá trị tiền, chứng khoán hoặc tài sản khác để chứng minh năng lực tài chính tối đa không quá ba mươi (30) ngày tính đến ngày Hồ sơ đã đầy đủ và hợp lệ.

Đối với tài sản bằng tiền, phải có xác nhận của ngân hàng về số dư tiền đồng Việt Nam hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi có trong tài khoản tại ngân hàng.

Đối với tài sản bằng chứng khoán, chứng khoán phải đang được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm Giao dịch Chứng khoán và phải có xác nhận của Công ty chứng khoán hoặc

của tổ chức phát hành về số chứng khoán đó. Giá trị chứng khoán được tính theo giá đóng cửa ngày xác nhận.

Đối với tài sản khác, phải có tài liệu chứng minh quyền sở hữu và tài sản đó phải được định giá bởi tổ chức định giá đang hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.

Các tài sản dùng để chứng minh năng lực tài chính của cổ đông, thành viên góp vốn không đang trong tình trạng cầm cố, thế chấp, đặt cọc, ký cược, ký quỹ hoặc đang có tranh chấp hoặc đang dùng để chứng minh năng lực tài chính tại các doanh nghiệp, hoặc phục vụ cho các mục đích khác."

5. Sửa đổi Khoản 3 Điều 4 về Điều kiện tài chính đối với cổ đông, thành viên góp vốn như sau:

"3. Đối với trường hợp cổ đông, thành viên góp vốn là tổ chức, nguồn vốn góp phải là nguồn vốn hợp pháp và được tổ chức kiểm toán độc lập xác nhận.

Tại báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán và tại báo cáo tài chính quý hoặc tháng tính tới thời điểm gần nhất (nhưng không quá 90 ngày trở về trước tính từ thời điểm Hồ sơ đề nghị thành lập Công ty quản lý quỹ đã đầy đủ và hợp lệ) đã được kiểm toán, tổ chức tham gia góp vốn phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Vốn chủ sở hữu sau khi trừ đi các quỹ khen thưởng, phúc lợi và trừ đi tài

sản dài hạn tối thiểu phải bằng số vốn dự kiến góp vào công ty quản lý quỹ.

Trường hợp pháp nhân là doanh nghiệp bảo hiểm: Vốn chủ sở hữu cộng nguồn vốn nhàn rỗi từ dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm sau khi trừ đi tài sản dài hạn tối thiểu phải bằng số vốn dự kiến góp vào Công ty quản lý quỹ.

Trường hợp pháp nhân là Ngân hàng thương mại, Công ty tài chính: Vốn điều lệ cộng Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ sau khi trừ đi tài sản dài hạn tối thiểu phải bằng số vốn dự kiến góp vào Công ty quản lý quỹ.

b) Tài sản lưu động ròng tối thiểu phải bằng số vốn góp;

c) Pháp nhân hoạt động kinh doanh có lãi trong hai (02) năm liền trước năm xin phép thành lập Công ty quản lý quỹ và không có lỗ lũy kế đến thời điểm Hồ sơ đề nghị thành lập Công ty quản lý quỹ đã đầy đủ và hợp lệ;

d) Trong trường hợp tổ chức tham gia góp vốn là doanh nghiệp bảo hiểm, Ngân hàng thương mại, Công ty tài chính, Công ty chứng khoán: sau khi góp vốn, các tổ chức này vẫn phải đảm bảo duy trì, đáp ứng các điều kiện an toàn vốn và các điều kiện tài chính khác theo pháp luật chuyên ngành.

6. Sửa đổi Khoản 4 Điều 4 về Điều kiện tài chính đối với cổ đông, thành viên góp vốn như sau:

“4. Các cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập không được chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp của mình và phải nắm giữ toàn bộ số cổ phần của mình, phần vốn góp của mình trong thời hạn ba (03) năm, kể từ ngày được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, trừ trường hợp chuyển nhượng giữa cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập với nhau. Trong trường hợp có sự chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp giữa các cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập, vẫn phải đảm bảo duy trì tỷ lệ sở hữu tại Công ty quản lý quỹ theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 Quyết định này trong thời hạn ba (03) năm, kể từ ngày được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động.”

7. Sửa đổi, bổ sung Điểm d, i, j Khoản 1 Điều 5 về Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty quản lý quỹ như sau:

d) Danh sách và sơ yếu lý lịch có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền (theo mẫu quy định tại Phụ lục 4 kèm theo Quy chế này) của Giám đốc, Phó Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) và người hành nghề quản lý quỹ làm việc tại Công ty quản lý quỹ kèm theo bản sao hợp lệ Giấy chứng minh thư nhân dân hoặc Hộ chiếu còn hiệu lực, bản sao hợp lệ chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ (nếu có), Phiếu Lý lịch tư pháp, Bản cam kết sẽ làm việc cho Công ty quản lý quỹ của những người này kèm theo văn

bản xác nhận số năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng của Giám đốc, Phó Giám đốc phụ trách nghiệp vụ quản lý quỹ, quản lý danh mục đầu tư hoặc Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc phụ trách nghiệp vụ quản lý quỹ, quản lý danh mục đầu tư. Trong trường hợp những cá nhân nêu trên chưa có chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ, tài liệu bổ sung bao gồm những tài liệu còn lại trong bộ hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ theo quy định.

Danh sách và sơ yếu lý lịch có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền (theo mẫu quy định tại Phụ lục 4 kèm theo Quy chế này), Bản sao hợp lệ Giấy chứng minh thư nhân dân hoặc Hộ chiếu còn hiệu lực, Bản sao hợp lệ bằng tốt nghiệp đại học, Bản sao hợp lệ các chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán, văn bản xác nhận năm kinh nghiệm theo quy định của nhân viên bộ phận kiểm soát nội bộ (nếu có) và trình độ chuyên môn phù hợp với quy định pháp luật của trường bộ phận kiểm soát nội bộ (nếu có).

Danh sách và sơ yếu lý lịch có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền (theo mẫu quy định tại Phụ lục 4 kèm theo Quy chế này), Bản sao hợp lệ Giấy chứng minh thư nhân dân hoặc Hộ chiếu còn hiệu lực của thành viên Ban Kiểm soát.

i) Bản sao báo cáo tài chính năm gần nhất. Trường hợp khoảng thời gian kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm của báo

cáo tài chính gần nhất tính đến thời điểm Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty quản lý quỹ đã đầy đủ, hợp lệ vượt quá chín mươi (90) ngày, tổ chức đó phải nộp báo cáo tài chính bổ sung đến Quý hoặc tháng gần nhất. Đối với cổ đông, thành viên góp vốn là công ty mẹ, tập đoàn, phải bổ sung báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất được lập theo quy định của pháp luật. Các báo cáo tài chính phải được tổ chức kiểm toán độc lập đang hoạt động hợp pháp xác nhận. Ý kiến kiểm toán đối với các báo cáo tài chính phải chấp thuận toàn bộ, không có ngoại trừ.

j) Bài bỏ Điều j.”

8. Bổ sung Khoản 1a Điều 6 trước Khoản 1 Điều 6 về Trình tự cấp Giấy phép thành lập và hoạt động như sau:

“1a. Trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có yêu cầu bằng văn bản, các cổ đông, thành viên góp vốn thành lập Công ty quản lý quỹ phải bổ sung, hoàn chỉnh bộ Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty quản lý quỹ theo quy định. Sau thời hạn trên, nếu các cổ đông, thành viên góp vốn không bổ sung, hoàn thiện đầy đủ hồ sơ, cổ đông, thành viên phải nộp hồ sơ mới đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty quản lý quỹ theo trình tự, thủ tục quy định.”

9. Sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 6 về Trình tự cấp Giấy phép thành lập và hoạt động như sau:

“2. Trong vòng sáu (06) tháng kể từ ngày được chấp thuận nguyên tắc, cổ đông, thành viên góp vốn đề nghị cấp phép thành lập và hoạt động Công ty quản lý quỹ phải hoàn tất việc đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật, phong tỏa vốn, hoàn thiện cơ cấu tổ chức nhân sự và các thủ tục còn lại để được cấp phép chính thức. Cổ đông, thành viên góp vốn thành lập và hoạt động Công ty quản lý quỹ được trích phần vốn góp để đầu tư cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động nghiệp vụ của Công ty phù hợp với phương án kinh doanh. Phần vốn góp còn lại phải được gửi vào một tài khoản phong tỏa tại một ngân hàng do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chỉ định và phải có xác nhận của Ngân hàng về số vốn trên tài khoản phong tỏa. Số vốn này chỉ được giải tỏa và được chuyển vào tài khoản Công ty quản lý quỹ ngay sau khi Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chính thức cấp Giấy phép thành lập và hoạt động. Trường hợp cổ đông, thành viên góp vốn không hoàn tất các thủ tục để cấp phép trong thời gian sáu (06) tháng kể từ ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận nguyên tắc, việc chấp thuận nguyên tắc coi như bị hủy bỏ.”

10. Sửa đổi, bổ sung Khoản 4 Điều 6 về Trình tự cấp Giấy phép và thành lập và hoạt động như sau:

“4. Nếu có bất kỳ thay đổi nào liên quan đến nhân sự, trụ sở, cơ cấu cổ đông, thành viên góp vốn, mức vốn đóng góp trong Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động sau khi chấp thuận nguyên tắc cho đến khi chính thức đi vào hoạt động, việc chấp thuận nguyên tắc coi như bị hủy bỏ.”

11. Bổ sung Khoản 1a sau Khoản 1 Điều 8 về Tổ chức của Công ty quản lý quỹ như sau:

“1a. Cá nhân làm việc tại Công ty quản lý quỹ không được kiêm nhiệm, làm việc cho các tổ chức kinh tế khác.”

12. Bổ sung Khoản 14a sau Khoản 14 Điều 18 về Các quy định về trách nhiệm và nghĩa vụ của Công ty quản lý quỹ như sau:

“14a. Công ty quản lý quỹ được ủy quyền cho Ngân hàng lưu ký của quỹ thành viên, danh mục của nhà đầu tư ủy thác thực hiện việc xác định giá tài sản ròng của quỹ thành viên, giá trị danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác. Bộ phận cung cấp dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng tại Ngân hàng lưu ký đảm bảo có nhân viên có chứng chỉ hành nghề kiểm toán hoặc kế toán. Công ty quản lý quỹ phải giám sát và đảm bảo việc xác định giá tài sản ròng tuân thủ theo các quy định pháp luật hiện hành, các quy định tại Điều lệ Quỹ, Hợp đồng ủy thác đầu tư.”

13. Bổ sung Khoản 15a sau Khoản 15

Điều 18 về Các quy định về trách nhiệm và nghĩa vụ của Công ty quản lý quỹ như sau:

“15a. Công ty quản lý quỹ được ủy quyền cho Ngân hàng lưu ký lập, lưu trữ và cập nhật Sổ đăng ký nhà đầu tư. Nội dung Sổ đăng ký nhà đầu tư theo quy định của Bộ Tài chính về việc thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán. Công ty quản lý quỹ phải giám sát và đảm bảo Ngân hàng lưu ký lập, lưu trữ và cập nhật Sổ đăng ký nhà đầu tư theo các quy định của pháp luật.”

14. Sửa đổi, bổ sung Khoản 5 Điều 19 về Hạn chế đối với hoạt động của Công ty quản lý quỹ và nhân viên làm việc tại Công ty quản lý quỹ như sau:

“5. Công ty quản lý quỹ, người có liên quan của Công ty quản lý quỹ, người hành nghề quản lý quỹ không được là đối tác mua hoặc bán trong giao dịch tài sản đầu tư trong danh mục của nhà đầu tư ủy thác, Quỹ đầu tư mà Công ty đang quản lý, trừ các trường hợp sau:

a) Giao dịch được thực hiện theo phương thức khớp lệnh tập trung thông qua hệ thống khớp lệnh tập trung tại Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm Giao dịch Chứng khoán;

b) Giao dịch thực hiện theo phương thức thỏa thuận đối với tài sản của Quỹ thành viên, tài sản trong danh mục của

nhà đầu tư ủy thác. Trong trường hợp này, trước khi thực hiện giao dịch phải có ý kiến chấp thuận cho giao dịch bằng văn bản của Đại hội nhà đầu tư, nhà đầu tư ủy thác. Ý kiến phải thể hiện việc chấp thuận về loại tài sản giao dịch, về mức giá giao dịch, phí giao dịch và chuyển nhượng, đối tác giao dịch, thời điểm thực hiện giao dịch, các điều kiện khác (nếu có), đảm bảo giao dịch tuân thủ quy định tại Điều 120 Luật doanh nghiệp và các quy định khác có liên quan.”

15. Sửa đổi, bổ sung Khoản 9 Điều 19 về Hạn chế đối với hoạt động của Công ty quản lý quỹ và nhân viên làm việc tại Công ty quản lý quỹ như sau:

“9. Công ty quản lý quỹ chỉ được sử dụng vốn kinh doanh dành cho hoạt động đầu tư tài chính của Công ty để đầu tư vào Quỹ thành viên, các Công ty đầu tư chứng khoán phát hành riêng lẻ mà Công ty đang quản lý, trong trường hợp Điều lệ các Quỹ, Điều lệ Công ty, có quy định cho phép Công ty quản lý quỹ thực hiện việc đầu tư này. Công ty quản lý quỹ không được sử dụng vốn của Quỹ, Công ty đầu tư chứng khoán để đầu tư vào các Quỹ, Công ty đầu tư chứng khoán khác thành lập và hoạt động tại Việt Nam.”

16. Sửa đổi bổ sung Khoản 1 Điều 24 về An toàn tài chính đối với Công ty quản lý quỹ như sau:

“1. Công ty quản lý quỹ phải bảo đảm

vốn kinh doanh dành cho hoạt động đầu tư tài chính của Công ty phải là từ nguồn vốn điều lệ thực góp của Công ty, quỹ dự trữ bổ sung vốn Điều lệ và lợi nhuận chưa phân phối. Công ty quản lý quỹ không được sử dụng các nguồn vốn vay, vốn ủy thác hoặc vốn chiếm dụng từ các tổ chức, cá nhân khác để mua cổ phiếu, trái phiếu, tham gia góp vốn thành lập doanh nghiệp của Công ty. Đối với các cổ đông lớn, thành viên góp vốn lớn, thành viên Ban Kiểm soát, thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Giám đốc, Phó Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và người có liên quan của những đối tượng nêu trên, Công ty không được cho vay dưới bất kỳ hình thức nào hoặc thực hiện việc giao vốn của Công ty cho các cá nhân, tổ chức liên quan quản lý.”

17. Sửa đổi, bổ sung Khoản 1 Điều 30 về Quản lý tài sản nhà đầu tư ủy thác như sau:

“1. Khi thực hiện quản lý danh mục đầu tư, Công ty quản lý quỹ phải mở tài khoản lưu ký đứng tên Công ty quản lý quỹ tại Ngân hàng lưu ký thay mặt cho nhà đầu tư ủy thác.

Hoạt động quản lý danh mục đầu tư bao gồm các nội dung sau:

a) Thu thập và cập nhật thông tin về khả năng tài chính, mức chấp nhận rủi ro, hạn chế đầu tư và các yêu cầu về hoạt

động đầu tư của nhà đầu tư ủy thác. Ký hợp đồng quản lý đầu tư trong đó quy định rõ mục tiêu đầu tư, hạn chế đầu tư và những rủi ro mà nhà đầu tư có thể chấp nhận để đạt được mục tiêu đầu tư;

b) Trên cơ sở thông tin do nhà đầu tư ủy thác cung cấp, hoạch định và tư vấn về chiến lược đầu tư, tư vấn về cơ cấu và phân bổ vốn đầu tư cho nhà đầu tư ủy thác; xây dựng chiến lược đầu tư phù hợp với khả năng tài chính, mức chấp nhận rủi ro và hạn chế đầu tư (nếu có) của nhà đầu tư ủy thác cũng như tình hình thị trường;

c) Thực hiện đầu tư cho nhà đầu tư ủy thác, lựa chọn chứng khoán, mức giá và thời điểm thực hiện giao dịch, đầu tư phù hợp với chiến lược đầu tư và nội dung ủy quyền đã được hai bên thống nhất và quy định tại Hợp đồng quản lý đầu tư;

d) Cập nhật các thông tin cá nhân theo quy định tại Điểm a Khoản này, yêu cầu về đầu tư của nhà đầu tư ủy thác, tình hình thị trường. Trên cơ sở các thông tin này, điều chỉnh cơ cấu danh mục đầu tư cho phù hợp với các yêu cầu của nhà đầu tư và tình hình thị trường.”

18. Bổ sung Khoản 2a sau Khoản 2 Điều 30 về Quản lý tài sản nhà đầu tư ủy thác như sau:

“2a. Công ty quản lý quỹ được thực hiện việc quản lý danh mục đầu tư và

thực hiện đầu tư trên tài khoản của nhà đầu tư ủy thác theo hợp đồng giữa công ty quản lý quỹ và nhà đầu tư ủy thác. Hợp đồng phải quy định rõ phạm vi, quyền hạn, nghĩa vụ các bên có liên quan; chiến lược đầu tư và hạn chế đầu tư; trách nhiệm và chế độ báo cáo về hoạt động đầu tư, thanh toán, lưu ký tài sản trong danh mục nhà đầu tư ủy thác; thời hạn hiệu lực của hợp đồng; các rủi ro phát sinh trong hoạt động quản lý tài sản trên tài khoản của khách hàng. Nhà đầu tư có trách nhiệm thông báo bằng văn bản (có xác nhận của công ty quản lý quỹ) cho công ty chứng khoán nơi mở tài khoản giao dịch và thành viên lưu ký nơi mở tài khoản lưu ký về thẩm quyền của công ty quản lý quỹ trong hoạt động giao dịch, thanh toán giao dịch trên tài khoản của nhà đầu tư; về thời hạn hiệu lực của hợp đồng ủy thác và các hạn chế (nếu có) liên quan đến hoạt động quản lý tiền và tài sản của nhà đầu tư được thực hiện bởi công ty quản lý quỹ.

Trong trường hợp Công ty quản lý quỹ quản lý danh mục trên tài khoản của nhà đầu tư ủy thác, trong thời gian Hợp đồng quản lý danh mục còn hiệu lực, công ty chứng khoán và thành viên lưu ký chỉ được thực hiện lệnh giao dịch, chỉ thị đầu tư và thanh toán cho các giao dịch mua bán tài sản, chứng khoán theo lệnh và chỉ thị hợp pháp từ Công ty quản

lý quỹ. Công ty quản lý quỹ, Công ty chứng khoán, thành viên lưu ký không được sử dụng tiền, tài sản của nhà đầu tư cho quyền lợi của Công ty quản lý quỹ, Công ty chứng khoán, thành viên lưu ký và người có liên quan khi chưa được sự ủy quyền bằng văn bản của nhà đầu tư. Công ty quản lý quỹ phải bảo đảm các giao dịch thực hiện cho các khách hàng và của bản thân công ty không phải là giao dịch thao túng thị trường.”

19. Bổ sung Điểm a, b Khoản 5 Điều 33 về Chế độ báo cáo và công bố thông tin của Công ty quản lý quỹ như sau:

“5. Công ty quản lý quỹ phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về những sự kiện sau:

a) Thay đổi, bổ nhiệm mới thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Chủ tịch, Giám đốc, Phó Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và người hành nghề quản lý quỹ. Báo cáo về việc thay đổi, bổ nhiệm nhân sự phải kèm theo hồ sơ cá nhân của nhân sự thay thế và các tài liệu có liên quan xác minh nhân sự thay thế đáp ứng điều kiện theo quy định;

b) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; Điều lệ, Bản cáo bạch Quỹ, Công ty đầu tư chứng khoán do Công ty quản lý. Báo cáo phải gửi kèm bản sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, Điều lệ, Bản cáo bạch

Quỹ, Công ty đầu tư chứng khoán do Công ty quản lý.”

20. Bổ sung Khoản 8a sau Khoản 8 Điều 33 về Chế độ báo cáo và công bố thông tin của Công ty quản lý quỹ như sau:

“8a. Trường hợp Ngân hàng lưu ký không cung cấp dịch vụ giám sát hoạt động quỹ, quản lý danh mục hoặc dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng quỹ thành viên, xác định giá trị tài sản ròng của danh mục đầu tư, Ngân hàng lưu ký chỉ chịu trách nhiệm xác định giá trị tiền và cơ cấu danh mục chứng khoán thực hiện lưu ký tại ngân hàng lưu ký.”

21. Sửa đổi Phụ lục 7, Phụ lục 10, Phụ lục 12, Phụ lục 14 Quy chế tổ chức và hoạt động công ty quản lý quỹ (theo Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, các công ty quản lý quỹ và các bên có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THÚ TRƯỞNG

Trần Xuân Hà

Phụ lục

**SỬA ĐỔI PHỤ LỤC 7, PHỤ LỤC 10, PHỤ LỤC 12, PHỤ LỤC 14 QUY CHẾ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ**
(ban hành kèm theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty quản lý quỹ)

I. SỬA ĐỔI PHỤ LỤC 7

Phụ lục 7

BÁO CÁO VỀ VỐN KHẢ DỤNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ
(ban hành kèm theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty quản lý quỹ)

Tên Công ty quản lý quỹ:..... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 Số Công văn:..... Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
 V/v báo cáo về vốn khả dụng
 tháng , ngày.....tháng.....năm...

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

BÁO CÁO VỐN KHẢ DỤNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ
tháng....

I. VỐN KHẢ DỤNG

Chỉ tiêu 1	Giá trị trong kỳ báo cáo 2	Giá trị trong kỳ báo cáo trước 3
Vốn khả dụng (D) (VND) (D) = A + B - C, trong đó: (A) Tiền và các khoản tương đương tiền (B) Đầu tư tài chính ngắn hạn (C) Nợ ngắn hạn		
Tổng chi phí trong năm tài chính trước (E) (VND) (E) bao gồm: 1. Chi phí hoạt động kinh doanh 2. Chi phí quản lý doanh nghiệp		

09605494

Chỉ tiêu	Giá trị trong kỳ báo cáo	Giá trị trong kỳ báo cáo trước
1	2	3
3. Chi phí hoạt động tài chính		
4. Các chi phí khác		
Tỷ lệ vốn khả dụng trên tổng chi phí trong năm tài chính trước ($D/E \times 100\%$) (%)		

Lưu ý

1. Trong quá trình hoạt động, Công ty quản lý quỹ phải luôn bảo đảm duy trì mức vốn khả dụng tối thiểu bằng 50% tổng chi phí (E) trong năm tại báo cáo tài chính năm có kiểm toán của Công ty quản lý quỹ. Đối với Công ty quản lý quỹ đã hoạt động được ít nhất một năm, tổng chi phí ở trên là tổng chi phí của năm trước theo báo cáo kiểm toán (trừ các khoản tiền thường cho nhân viên không cam kết trước). Đối với Công ty quản lý quỹ mới thành lập, tổng chi phí ở trên là tổng chi phí dự kiến trong năm đầu tiên theo phương án kinh doanh của Công ty.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền (A), Đầu tư tài chính ngắn hạn (B), Nợ ngắn hạn (C) của bản thân Công ty, không bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư tài chính ngắn hạn và nợ ngắn hạn của khách hàng ủy thác.

3. Khi tính giá trị các khoản đầu tư tài chính, giá trị của các chứng khoán nắm giữ được tính như sau:

a) 95% của giá thị trường đối với các loại trái phiếu Chính phủ, trái phiếu công trình được Bộ Tài chính bảo lãnh được niêm yết đáo hạn trong thời gian một năm; 90% của giá thị trường đối với các trái phiếu này đáo hạn trong thời gian 5 năm và 85% của giá thị trường đối với các trái phiếu đáo hạn này trong thời gian dài hơn 5 năm;

b) 90% của giá thị trường đối với các loại trái phiếu Chính phủ, trái phiếu công trình được Bộ Tài chính bảo lãnh không niêm yết đáo hạn trong thời gian một năm; 85% của giá thị trường đối với các trái phiếu này đáo hạn trong thời gian 5 năm và 80% của giá thị trường đối với các trái phiếu này đáo hạn trong thời gian dài hơn 5 năm;

c) 85% của giá thị trường đối với các loại trái phiếu niêm yết khác; áp dụng nguyên tắc chiết khấu cùng tỷ lệ như trên;

d) 70% của giá thị trường đối với các loại cổ phiếu niêm yết;

- e) 50% của giá thị trường đối với các loại trái phiếu không niêm yết khác;
- f) 50% của giá thị trường đối với các loại cổ phiếu không niêm yết;
- g) 90% của giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ quỹ đối với chứng chỉ quỹ mở thị trường tiền tệ;
- h) 85% của giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ quỹ đối với chứng chỉ quỹ mở đầu tư hơn 80% giá trị tài sản vào trái phiếu chính phủ niêm yết;
- i) 65% của giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ quỹ đối với chứng chỉ quỹ mở đầu tư hơn 80% giá trị tài sản vào trái phiếu hoặc cổ phiếu niêm yết;
- j) 50% của giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ quỹ đối với chứng chỉ quỹ mở không thuộc các trường hợp nói trên;
- k) 50% của giá thị trường đối với chứng chỉ quỹ đóng hoặc cổ phiếu của Công ty đầu tư chứng khoán;
- l) 30% của giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ đối với đơn vị quỹ thành viên;
- m) 0% đối với các loại chứng khoán khác (chứng khoán cầm cố, chứng khoán bị đình chỉ giao dịch...) và các chứng khoán được phát hành bởi các Công ty có liên quan Công ty quản lý quỹ trừ trường hợp các chứng khoán này được niêm yết.

Công ty quản lý quỹ phải kê chi tiết các loại chứng khoán nắm giữ theo tỷ lệ giảm trừ nói trên như sau:

Loại chứng khoán	Số lượng nắm giữ	Giá thị trường *	Tỷ lệ giảm trừ	Giá trị tính toán
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (2) x (3) x (4)

(*) Giá thị trường là giá thị trường tại thời điểm báo cáo đối với chứng khoán niêm yết; giá trung bình của 03 công ty chứng khoán không phải là người có liên quan đối với chứng khoán chưa niêm

yết, giá trị vốn góp đối với trường hợp góp vốn liên doanh, liên kết

II. CÁC VƯỚNG MẮC PHÁT SINH VÀ KIẾN NGHỊ

NGƯỜI LẬP
BÁO CÁO
(Ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG BỘ PHẬN
KIỂM SOÁT NỘI BỘ
(Ký, ghi rõ họ tên)

(TỔNG) GIÁM ĐỐC
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

II. SỬA ĐỔI PHỤ LỤC 10

Phụ lục 10

NỘI DUNG HỢP ĐỒNG LUU KÝ TRONG HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ DANH MỤC ĐẦU TƯ

(ban hành kèm theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty quản lý quỹ)

- a) Ngân hàng lưu ký mở và quản lý tài khoản lưu ký theo hướng dẫn, chỉ thị của Công ty quản lý quỹ;
- b) Ngân hàng lưu ký có nghĩa vụ lưu ký tách biệt tiền và tài sản của từng nhà đầu tư, tài sản của Ngân hàng lưu ký và các tài sản khác do Ngân hàng lưu ký quản lý; trong mọi trường hợp, vốn và tài sản của nhà đầu tư không được sử dụng để cho vay hoặc bảo lãnh cho vay hoặc thanh toán những khoản nợ cho bất kỳ tổ chức hoặc cá nhân nào khác ngoài nhà đầu tư đó;
- c) Ngân hàng lưu ký thay mặt nhà đầu tư thực hiện quyền phát sinh liên quan đến tài sản đầu tư; thanh toán giao dịch của nhà đầu tư theo đúng quy định pháp luật, hợp đồng đầu tư và lệnh hoặc chỉ thị hợp pháp của Công ty quản lý quỹ;
- d) Bỏ điểm d;
- e) Ngân hàng lưu ký xác nhận các báo cáo liên quan đến tiền và tài sản lưu ký của nhà đầu tư do Công ty quản lý quỹ lập;
- f) Ngân hàng lưu ký thực hiện nghĩa vụ báo cáo và quản lý chứng từ giao dịch theo quy định của pháp luật và hợp đồng lưu ký;
- g) Hàng ngày Ngân hàng lưu ký phải lập bảng kê các giao dịch trên các tài khoản của nhà đầu tư và định kỳ thực hiện cân đối và đối soát số dư tiền và tài sản đầu tư của nhà đầu tư với Công ty quản lý quỹ;
- h) Các khoản phí và chi phí liên quan;
- i) Bỏ điểm i;
- j) Bỏ điểm j;
- k) Trách nhiệm của Ngân hàng lưu ký trong trường hợp để mất mát, thất thoát tiền và tài sản của nhà đầu tư do lỗi của ngân hàng lưu ký và nhân viên;
- l) Các quy định về bảo mật thông tin, xử lý tranh chấp, vi phạm hợp đồng;
- m) Điều kiện chấm dứt hoạt động.
- n) Thông tin chi tiết về những cán bộ, nhân viên được Công ty quản lý quỹ và ngân hàng lưu ký chỉ định thực hiện các quyền và nghĩa vụ của hai bên liên quan đến nội dung hợp đồng lưu ký;
- o) Các quy định khác theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và hợp đồng quản lý danh mục đầu tư;
- p) Ngày ký kết hợp đồng;

III. SỬA ĐỔI PHỤ LỤC 12

Phụ lục 12

MẪU BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG HÀNG THÁNG/QUÝ/NĂM CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

(ban hành kèm theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty quản lý quỹ)

Tên Công ty quản lý quỹ:.....

Số Công văn:.....

V/v báo cáo hoạt động tháng/

quý/năm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm...

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Tháng/Quý/Năm

I. THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

1. Hoạt động quản lý Quỹ

STT	Nội dung	Quỹ đại chúng	Quỹ thành viên	Tổng	Lũy kế từ đầu năm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (3) + (4)	
1	Số lượng Quỹ đang quản lý				
2	Số lượng Quỹ lập, đóng trong tháng				
3	Tổng số vốn của các Quỹ đang quản lý				
4	Tổng giá trị tài sản ròng của các Quỹ đang quản lý				

09605494

STT	Nội dung	Quỹ đại chúng	Quỹ thành viên	Tổng	Lũy kế từ đầu năm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (3) + (4)	
5	Tổng phí thu được				
	Phí quản lý Quỹ				
	Tỷ lệ phí quản lý Quỹ trên giá trị tài sản ròng của quỹ (%)				
	Thưởng (nếu có)				
	Phí chào bán chứng chỉ quỹ/Phí phát hành				
	Phí mua lại chứng chỉ quỹ				

2. Hoạt động quản lý danh mục đầu tư

STT	Nhà đầu tư	Số hợp đồng	Giá trị hợp đồng	Phí quản lý
1	Tổng			
	Nhà đầu tư trong nước			
	Cá nhân			
	Tổ chức			
1	Tổng			
	Nhà đầu tư nước ngoài			
	Cá nhân			
	Tổ chức			
2	Tổng			
3	Tổng (3 = 1 + 2)			

09605494

3. Các hoạt động dịch vụ khác

STT	Nội dung	Số lượng	Giá trị	Giá trị lũy kế	Mức phí trung bình (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	
1	Các hợp đồng còn hiệu lực (nêu chi tiết loại hình dịch vụ)				
	...				
2	Các hợp đồng phát sinh trong tháng, trong đó				
2.1	Hợp đồng.... (loại hợp đồng)				
	Đối tượng trong nước				
	Cá nhân				
	Tổ chức				
	Đối tượng nước ngoài				
	Cá nhân				
	Tổ chức				
2.2	Hợp đồng.... (loại hợp đồng)				
	Đối tượng trong nước				
	Cá nhân				
	Tổ chức				
	Đối tượng nước ngoài				
	Cá nhân				
	Tổ chức				
	Phí thu được				
	...				
	Tổng phí thu được				

09605494

II. CÁC THÔNG TIN LIÊN QUAN NHÂN SỰ CỦA CÔNG TY

1. Nhân sự

STT	Nội dung	Kỳ báo cáo	Kỳ trước
	Tổng số nhân viên của Công ty (bao gồm trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, người nước ngoài, người Việt Nam)		
	Trong đó		
1	Trụ sở chính		
	Tổng số nhân viên tại trụ sở		
	Số nhân viên có chứng chỉ hành nghề		
	Số nhân viên làm việc tại bộ phận nghiệp vụ liên quan tới hoạt động phân tích, đầu tư, quản lý tài sản		
2	Chi nhánh (nêu chi tiết tại từng chi nhánh)		
	Tổng số nhân viên tại chi nhánh		
	Số nhân viên có chứng chỉ hành nghề		
	Số nhân viên làm việc tại bộ phận nghiệp vụ liên quan tới hoạt động phân tích, đầu tư, quản lý tài sản		
3	Văn phòng đại diện		
	Tổng số nhân viên tại VPĐD		

2. Chương trình đào tạo nhân sự (trong báo cáo năm)

STT	Nội dung/Chương trình đào tạo, thời gian đào tạo	Số lượng nhân viên tham dự	Giảng viên
1			
2			
3			

III. CÁC VƯỚNG MẮC PHÁT SINH VÀ KIẾN NGHỊ

- a) Khung pháp lý;
- b) Điều hành quản lý của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- c) Các vấn đề khác phát sinh.

(TỔNG) GIÁM ĐỐC CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

09605494

IV. SỬA ĐỔI PHỤ LỤC 14

Phụ lục 14

MẪU BÁO CÁO TÀI SẢN QUÝ

(ban hành kèm theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty quản lý quỹ)
BÁO CÁO TÀI SẢN CỦA QUỸ

(Tháng, quý, năm)

1. Tên Công ty quản lý quỹ:
2. Tên Ngân hàng giám sát/ngân hàng lưu ký:
3. Tên Quỹ:
4. Ngày lập báo cáo:

Đơn vị tính:....VND

STT	Tài sản	Kỳ báo cáo	Kỳ trước	Chênh lệch kỳ báo cáo so với kỳ trước
I.1	Tiền và các khoản tương đương tiền			
	Tiền			
	Tiền gửi ngân hàng			
	Các khoản tương đương tiền			
I.2	Các khoản đầu tư (kê chi tiết)			
I.3	Cổ tức được nhận			
I.4	Lãi được nhận			
I.5	Tiền bán chứng khoán chờ thu (kê chi tiết)			
I.6	Các khoản phải thu khác			
I.7	Các tài sản khác			
I.8	Tổng tài sản			

STT	Nợ			
II.1	Tiền phải thanh toán mua chứng khoán (kê chi tiết)			
II.2	Các khoản phải trả khác			
II.3	Tổng nợ			
STT	Các chỉ tiêu khác			
III.1	Tài sản ròng của Quỹ (I.8-II.3)			
III.2	Tỷ lệ Tổng nợ/Tài sản ròng của Quỹ			
III.3	Tổng số đơn vị quỹ, chứng chỉ quỹ			
III.4	Giá trị tài sản ròng NAV của một đơn vị quỹ, chứng chỉ quỹ			

(TỔNG) GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG
LUU KÝ/NGÂN HÀNG GIÁM SÁT
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

(TỔNG) GIÁM ĐỐC
CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)